

Bản án số: 99/2023/HS-ST
Ngày 07 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Quốc Khôi

Ông Đinh Công Hoạt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, tổ chức xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 423/2023/HSST-QĐ ngày 24/7/2023 đối với các bị cáo:

1 - Họ và tên: **Nông Văn T**, Giới tính: N (*Tên gọi khác: Nông Văn T1*); Sinh ngày 16/4/1995 tại Đ, T, Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm L, Đ, T, Cao Bằng; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12 phổ thông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nông Văn L, (đã chết); Con bà: Mạc Thị L1, sinh năm 1968, nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 01; Vợ: Mạc Thị T2, sinh năm 1997, nghề nghiệp: Lao động tự do. Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020, cùng cư trú tại: L, Đ, T, Cao Bằng; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

2 - Họ và tên: **Mạc Văn E** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 06/12/1988 tại Đ, T, Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm K, Đ, T, Cao Bằng. Trình độ

văn hoá: Lớp 3/12 phổ thông. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Mạc Văn Đ, sinh năm 1966, nghề nghiệp: Lao động tự do. Con bà: Nông Thị B, sinh năm 1965, nghề nghiệp: Lao động tự do. Cùng trú tại xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Hà Thị L2, sinh năm 1990, nghề nghiệp: Lao động tự do. Có 01 con sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

3 - Họ và tên: **Triệu Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 08/8/1991 tại Đ, T, Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: K, Đ, T, Cao Bằng. Trình độ văn hoá: Lớp 5/12 phổ thông. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Triệu Văn N1, sinh năm 1950, nghề nghiệp: Làm ruộng. Con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1953, nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 06. Vợ: Mạc Thị Đ1, sinh năm 1988, nghề nghiệp: Làm ruộng. Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Cùng cư trú tại K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

4 - Họ và tên: **Vũ Thế N2**, Giới tính: Nam Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 19/01/1981 tại H, Tuyên Quang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nơi thường trú: Đ, Đ, H, Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Tổ 7, Đ, Chợ M, Bắc Kạn. Trình độ văn hoá: Lớp 9/12 phổ thông. Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông Vũ Thế B1, sinh năm 1950, nghề nghiệp: Làm ruộng. Con bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1949, nghề nghiệp: Làm ruộng. Cùng cư trú tại Đ, Đ, H, Tuyên Quang. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 01. Vợ: Đỗ Thị T3, sinh năm 1972, nghề nghiệp: Giáo viên. Có 01 con sinh năm 2009, trú tại Tổ G, Đ, Chợ M, Bắc Kạn. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 16/11/2011, bị TAND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc (đã xoá án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/02/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Mạc Văn E và Triệu Văn C:*

Bà Nông Thị Thu T4 -Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C, (bào chữa theo quy định của pháp luật), có mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thế N2:*

Ông Lại Xuân C2 – Luật sư Công ty L3 – Đoàn Luật sư thành phố H; Địa

chỉ: Tầng C, số G N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (bảo chữa theo yêu cầu), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ 00 phút ngày 26/02/2023, tại tỉnh lộ 206 thuộc khu vực xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C phối hợp với Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ thì phát hiện 01 xe ô tô màu trắng hiệu Mitsubishi Xpander biển kiểm soát 22A-139.03 có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe để kiểm tra nhưng lái xe không chấp hành mà tăng ga bỏ chạy, đi được một đoạn thì lái xe cho 03 người xuống xe rồi tiếp tục di chuyển, tổ công tác đã đuổi theo buộc lái xe phải dừng phương tiện. Qua kiểm tra, lái xe là Vũ Thế N2, sinh năm 1981, đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Còn 03 người đàn ông N2 thả xuống dọc đường gồm có: Trần Đ2, sinh năm 2003, Trần H1, sinh năm 1994 cùng trú tại thôn L, trấn T, thành phố T, tỉnh Phúc Kiến; Diệp U, sinh năm 1994, trú tại thôn V, trấn L, huyện T, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Cả 03 người này đều không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định. Tổ công tác đã đưa người và phương tiện về trụ sở để tiếp tục làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Cách đây khoảng 3 năm, Nông Văn T quen biết với một người đàn ông Trung Quốc tên thường gọi là S và có kết bạn với nhau qua Wechat. Trưa ngày 25/02/2023, S liên lạc đặt vấn đề thuê T đi đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực mốc 59 cũ thuộc địa phận xã Đ, huyện T, đưa đến một địa điểm do S bố trí để giao cho người khác đến đón, hứa trả tiền công là 8.000.000 đồng/người nhập cảnh nên T đồng ý. Sau đó, T sử dụng tài khoản W “666” gọi đến tài khoản “aaa” của Mạc Văn E để thuê Em đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ đầu cầu B đưa đến đường T để giao cho người khác, hứa trả tiền công là 2.000.000 đồng/người và được Em nhất trí thực hiện. Sau khi đã nhận lời với T, Em trực tiếp rủ Triệu Văn C cùng đi đón người, hứa hẹn tiền công nhận được sẽ chia đều, nên C đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 25/02/2023, S báo cho T biết là người đã đến mốc biên giới, đề nghị Tha lên đón. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T một mình đi bộ đến điểm hẹn thì đón được 03 người đàn ông Trung Quốc, đồng thời Su cũng gửi qua W cho Tha 01 số điện thoại và hướng dẫn liên lạc với người này để thống nhất địa điểm giao nhận người. Sau khi đã đón được người, T dẫn họ đến

ẩn nấp ở một hẻm đá tại đầu cầu B, xã Đ, huyện T rồi thông báo cho E đến đón người, dặn Em khi nào đưa người ra đến đường tỉnh lộ 206 thì cho ẩn nấp gần đó rồi gửi định vị vị trí cho T để gửi cho xe ô tô đến đón, rồi T đi về nhà. Sau đó, E gọi C cùng đi ra đến điểm hẹn dẫn 03 người Trung Quốc đi qua sông Q bằng bè mảng, E bảo C ở lại bờ sông đợi để Em dẫn nhóm người ra ẩn nấp ở ven đường tỉnh lộ 206, khi ra đến nơi, Em gửi định vị vị trí ẩn nấp cho T qua W, T chuyển tiếp cho S. Đồng thời, T cũng liên lạc với số điện thoại mà S gửi trước đó thì được biết xe ô tô sắp đến, T và người này thống nhất khi xe ô tô đến gần vị trí sẽ đi chậm lại và bật xi nhan 2 bên làm tín hiệu, sau khi thống nhất xong, T thông báo lại cho Em biết và yêu cầu khi nào khách lên xe thì quay video lại gửi cho T để xác nhận. Đối với C do đợi lâu không thấy E quay lại nên đã chủ động đi về nhà.

Trước đó, khoảng tháng 1/2023, Vũ Thế N2 có kết bạn qua facebook với một người đàn ông lạ sử dụng tài khoản là “Phung Phung”, ngày 25/02/2023, người này liên lạc thuê N2 lên huyện T, Cao Bằng để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa về Hà Nội, hứa trả tiền công là 4.000.000 đồng/chuyến, khi nào có khách sẽ gọi nên N2 đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 25/02/2023, người này bảo N2 lên T đón khách. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N2 điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander biển kiểm soát 22A-139.03 từ nhà lên T theo hướng dẫn của “Phung Phung” đến vị trí đón người theo hướng dẫn và bật xi nhan làm tín hiệu thì Mạc Văn E dẫn 03 người đàn ông Trung Quốc lên xe và quay video lại gửi cho T rồi về nhà. Khi khách đã lên xe, N2 tiếp tục điều khiển xe ô tô đi theo đường tỉnh lộ 206 để quay về Hà Nội, khi đến địa điểm thuộc địa phận xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện ngăn chặn.

Đối với T, sau khi nhận video từ Em thì đã chuyển tiếp cho S để đòi tiền công, một lúc sau, T nhận được 24.000.000 đồng do S chuyển qua Wechat. Đến trưa ngày 26/02/2023, T gặp và đưa cho Em tiền công là 6.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó, E tiếp tục gặp C và trả cho C số tiền công là 1.000.000 đồng.

Lời khai của các nhân chứng trong vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT-VKSCB-P1 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn T, Mạc Văn E, Triệu Văn C, Vũ Thế N2 về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt Nông Văn T từ 24 đến 30 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt Vũ Thế N2 từ 24 đến 30 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt Triệu Văn C từ 12 đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt Mạc Văn E từ 09 đến 12 tháng tù;

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu phát mại 01 điện thoại di động của Mạc Văn E;

+ Trả lại các giấy tờ tùy thân cho Vũ Thế N2 quản lý sử dụng;

+ Truy thu số tiền 24 triệu đồng do các bị cáo phạm tội mà có để nộp Ngân sách nhà nước (*Nông Văn T 18.000.000 đồng; Mạc Văn E 5.000.000 đồng; Triệu Văn C 1.000.000 đồng*).

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Mạc Văn E và Triệu Văn C trình bày luận cứ:

Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo, tuy nhiên cần xem xét đến hoàn cảnh của các bị cáo. Các bị cáo đều không có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt.

Bị cáo Mạc Văn E có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và người phạm tội tự thú; bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị áp dụng điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo là 09 tháng tù;

Bị cáo Triệu Văn C có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và người phạm tội sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo là 12 tháng tù theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng và án phí: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thế N2 trình bày luận cứ:

Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo N2 về tội danh và điều luật áp dụng, bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án tích. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì bị cáo N2 là người giúp sức cho bị cáo T nên mức hình phạt phải thấp hơn bị cáo T; Bị cáo N2 không có tiền án tiền sự và có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và bị cáo

thuộc trường hợp phạm tội chưa gây thiệt hại nên đề nghị áp dụng điểm s và điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo N2. Ngoài ra bố vợ bị cáo N2 là ông Đỗ Văn M được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo N2; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Đề nghị trả lại cho bị cáo N2 các giấy tờ tùy thân vì không liên quan đến vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đưa ra mức án đảm bảo khách quan công bằng đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo E và C nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Bị cáo N2 nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo T nhất trí với luận tội, không có ý kiến bổ sung, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ khẳng định:

Ngày 25/02/2023, Nông Văn T, Mạc Văn E, Triệu Văn C đã tổ chức đón 03 (Ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam từ mốc 59 cũ để đưa ra đến đường tỉnh lộ 206 giao cho Vũ Thế N2 tiếp tục chở khách đưa sâu vào nội địa Việt Nam. Khoảng 05 giờ ngày 26/02/2023, khi N2 đang điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22A-139.03 chở theo 03 người Trung Quốc di chuyển đến địa

phận xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Với số tiền công 24.000.000 đồng do người đàn ông Trung Quốc tên là S chi trả, T đã được hưởng lợi 18.000.000 đồng, E được hưởng lợi 5.000.000 đồng, C được 1.000.000 đồng. Còn Vũ Thế N2 chưa nhận được tiền công.

Hành vi trên của các bị cáo Nông Văn T, Mạc Văn E, Triệu Văn C, Vũ Thế N2 là nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích vụ lợi, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép

1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2"

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này bị cáo Nông Văn T giữ vai trò chính, trực tiếp liên lạc với người Trung Quốc tên S để tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và nhận tiền công, E và C cùng tham gia với vai trò giúp sức cho T thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Vũ Thế N2 là người giúp sức trực tiếp đón người Trung Quốc nhập cảnh, bị bắt quả tang. Các bị cáo là đồng phạm giản đơn cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:*

+ Bị cáo Nông Văn T, Mạc Văn E, Triệu Văn C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

+ Bị cáo Vũ Thế N2 có nhân thân xấu: Ngày 16/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xoá án tích).

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Cả 04 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nông Văn T và Triệu Văn C ra đầu thú, và các bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Mạc Văn E ra tự thú nên áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Vũ Thế N2 có bố vợ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) diện thoại di động của Mạc Văn E là phương tiện phạm tội nên tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với các giấy tờ gồm: 01 CCCD; 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2; 01 Giấy phép lái xe mô tô của Vũ Thế N2 là giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho bị cáo sử dụng.

Truy thu số tiền các bị cáo phạm tội mà có để nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo T 18.000.000đ; Bị cáo Em 5.000.000đ; Bị cáo Cung 1.000.000đ.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là S, ngoài lời khai của Tha thì không có tài liệu nào khác, T cũng không biết rõ thông tin về họ tên, địa chỉ cụ thể của người này nên không đủ căn cứ để làm rõ xử lý trong cùng vụ án;

Đối với người đàn ông sử dụng tài khoản facebook “Phung Phung”, ngoài lời khai của N2 thì không còn tài liệu nào khác. Quá trình điều tra xác định N2 cũng chưa từng gặp mặt, không biết thông tin của người này nên không đủ căn cứ để tiếp tục xác minh làm rõ.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo N2 đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (Phạm tội chưa gây thiệt hại) là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Các bị cáo Nông Văn T, Vũ Thế N2, Mạc Văn E, Triệu Văn C phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/3/2023.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thế N2 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/02/2023.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mạc Văn E 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/3/2023.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 14/3/2023.

Truy thu số tiền các bị cáo do phạm tội mà có để nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- + Truy thu của Nông Văn T số tiền 18.000.000 đồng,
- + Truy thu của Mạc Văn E số tiền 5.000.000 đồng,
- + Truy thu của Triệu Văn C số tiền 1.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại: 01 (Một) điện thoại di động niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “ĐT của Mạc Văn E1, hiệu VIVO màu đen”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

- Trả lại cho bị cáo Vũ Thế N2 sử dụng gồm: 01 (Một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Giấy tờ của Vũ Thế N2: 01 CCCD; 01 Giấy phép lái xe hạng B2; 01 Giấy phép lái xe số X517101” . Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C; (Xác nhận các vật chứng trên được CQANĐT Công an tỉnh C chuyển giao cho Cục THADS tỉnh C theo biên bản giao nhận vật chứng số 123 ngày 14/6/2023).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Văn T, Vũ Thế N2, Mạc Văn E và Triệu Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA Dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- THAHS Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ